

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HS-ST

Ngày: 05-01-2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Cao.

- Bà Nguyễn Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An T hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 93/2022/HSST ngày 25 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Minh T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1982 tại Long An. Nơi đăng ký thường trú: Ấp m, xã A, huyện B, tỉnh Long An; Chỗ ở: Ấp 1B, xã A, huyện B, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Mua bán phế liệu; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân Â, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960; Bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1984, có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; Tiền án; tiền sự: Không; (Bị cáo tại ngoại, có mặt).

2. Nguyễn Văn Th, tên gọi khác: Không, sinh năm 1979 tại Long An. Nơi đăng ký thường trú: Số c, đường H, Khu phố n, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An; Chỗ ở: Ấp 1B, xã A, huyện B, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1956 và bà Trần Thị K H, sinh năm 1958; Bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1976, có 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; (Bị cáo tại ngoại, có mặt)

- Bị hại: Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Đ.

Địa chỉ: Ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Long An

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Minh T– Giám đốc (Xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Phạm Ngọc K, sinh năm 1990

ĐKTT: Ấp 4, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (Xin xét xử vắng mặt)

2. Huỳnh Thanh Th, sinh năm 1955

ĐKTT: Số 254/19E Nguyễn Văn Luông, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Trần Quốc H, sinh năm 1995

ĐKTT: Ấp 5, xã L, huyện B, tỉnh Long An (Xin xét xử vắng mặt)

4. Huỳnh Tấn Đ, sinh năm 1978

ĐKTT: Ấp 1B, xã A, huyện B, tỉnh Long An. (Xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 00 ngày 30/4/2022, Lê Minh T là người thu mua phế liệu, do làm ăn khó khăn nên T rủ Nguyễn Văn Th tìm tài sản lấy trộm bán lại cho T với giá cao, thì Th đồng ý. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Th đang đi trên đường về nhà thăm mẹ thì gặp một người đàn ông (chưa rõ nhân thân lai lịch) xin đi nhờ xe, trong lúc đi Th than không có tiền tiêu xài nên người đàn ông này chỉ Th đến nhà xưởng Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Đ, do ông Nguyễn Minh Tầm giám đốc (gọi tắt Công ty), địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Bửu, huyện Bến Lức, tỉnh Long An đang nghỉ lễ để lấy tài sản và Th phải trả tiền công cho người đàn ông này là 3.000.000đ, thì Th đồng ý. Khi đến đoạn Ấp 3, xã Tân Bửu, huyện Bến Lức người đàn ông hướng dẫn Th vào nhà xưởng Công ty xem, còn người đàn ông xuống xe bỏ đi. Th một mình chạy xe đến Công ty vào trong nhà xưởng thấy có nhiều máy móc, nhiều thanh sắt lớn không ai trông coi, sau đó Th điều khiển xe về nhà. Đến khoảng 10 giờ 00 cùng ngày, Th quay lại nhà xưởng Công ty và gọi điện cho T nói đã tìm được tài sản lấy trộm kêu T qua xem để đưa ra giá mua. T điều khiển xe mô tô biển số 62N1-105.32 đến nhà xưởng Công ty xem tài sản và đồng ý mua các máy móc, sắt tại nhà xưởng với giá 9.000.000đ, Th đồng ý. Sau đó, T gọi điện Th cho Huỳnh Tấn Đ để thuê xe tải chở và chở tài sản lấy trộm của công ty gồm 01 máy nén khí màu xanh, trắng hiệu Airman kích thước 01m95x93x95cm; 01 máy mô tơ kích thước 04cm x chu vi 70cm có cánh quạt kích thước chu vi 20m54, dày 20cm; 01 bộ công cụ nâng vật nặng, hàng hóa, gồm: 02 khung kim loại mùa vàng được hàn lại hình chữ A (cùng kích thước:

04mx75x04m74x20cm), dày 10cm, thanh kim loại hàn dính đáy khung có kích thước: 03x03x25cm, dày 12cm và 01 thanh kim loại màu vàng kích thước 03mx03x25cm, dày 12cm lên xe cầu do Đạt điều khiển chở về nhà kho của T tại Ấp 1, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, T trả cho Th 9.000.000đ, Th xin thêm 1.000.000đ, tổng số tiền T đưa cho Th là 10.000.000đ, T trả tiền thuê xe tải cầu cho Đạt 1.200.000đ. Đến ngày 01/5/2022, T liên lạc qua Zalo với anh Phạm Ngọc K, bán hết các tài sản đã trộm được với giá 38.000.000đ, anh K đồng ý. Sau đó, K kêu xe cầu các tài sản Th và T vừa trộm được gửi về nhà kho ở Ấp 3, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 03/5/2022, anh Nguyễn Minh Tđi kiểm tra các thiết bị máy móc trong nhà xưởng Công ty thì phát hiện bị mất trộm nên đến Công an xã Tân Bửu trình báo. Ngày 04/5/2022, T và Th được mời về trụ sở Công an xã Tân Bửu làm việc thì khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 72/KL-HĐĐG ngày 12/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Lức, kết luận:

-01 máy nén khí màu xanh, trắng hiệu Airman kích thước 01m95x93x95cm (đã qua sử dụng). Trước khi bị mất trộm không còn chức năng vận hành sử dụng. Có trọng lượng 1013 kg, có giá trị (giá trị sắt phế liệu): 7.850.750 đồng.

- 01 máy mô tơ kích thước 04cm x chu vi 70cm có cánh quạt kích thước chu vi 20m54, dày 20cm (đã qua sử dụng). Có trọng lượng 703kg, có giá trị (giá trị sắt phế liệu): 1.937.500đ.

- 01 bộ công cụ nâng vật nặng, hàng hóa, gồm:

+ 02 khung kim loại màu vàng được hàn lại hình chữ A (cùng kích thước 04mx75x04m74x20cm), dày 10cm. thanh kim loại hàn dính đáy khung có kích thước 03x03x25cm, dày 12cm (đã qua sử dụng). Có trọng lượng 703kg, có giá trị (giá trị sắt phế liệu): 5.448.250đ.

+ 01 thanh kim loại màu vàng kích thước 03mx03x25cm, dày 12cm (đã qua sử dụng). Có trọng lượng 250kg, có giá trị (giá trị sắt phế liệu): 1.937.500đ.

Tổng trọng lượng các tài sản trên là 2.070 kg, giá trị 16.042.500đ.

Tại cáo trạng số 107/CT-VKSBL ngày 29/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố các bị cáo Lê Minh T và Nguyễn Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Minh T và Nguyễn Văn Th hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội các bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Lê Minh T và Nguyễn Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo là đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Minh T và Nguyễn Văn Th không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Minh T và Nguyễn Văn Th đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả lại chủ sở hữu, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo Nguyễn Văn Th đang bị nhiễm bệnh HIV, con bị cáo Th bị bệnh chậm phát triển tâm thần, bị cáo Th đã tự nguyện giao nộp một phần số tiền thu lợi từ hành vi phạm tội, do đó cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo T tự nguyện khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Minh T và Nguyễn Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Lê Minh T, từ 01(một) năm đến 01(một) năm 06(sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 02(hai) năm đến 03(ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/01/2023) .

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Văn Th, từ 01(một) năm đến 01(một) năm 06(sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 02(hai) năm đến 03(ba) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/01/2023).

Giao các bị cáo cho Chính quyền địa phương nơi thường trú giám sát, theo dõi, giáo dục án treo theo luật định

Do hoàn cảnh gia đình các bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Đ do ông Nguyễn Minh T là giám đốc đại diện đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu dân sự nên không đề nghị xem xét.

Về vật chứng:

- 01 máy nén khí màu xanh, trắng hiệu Airman kích thước 01m95x93x95cm; 01 máy mô tơ kích thước 04cm x chu vi 70cm có cánh quạt kích thước chu vi

20m54, dày 20cm; 01 bộ công cụ nâng vật nặng, hàng hóa, gồm: 02 khung kim loại màu vàng được hàn lại hình chữ A (cùng kích thước: 04mx75x04m74x20cm), dày 10cm, thanh kim loại hàn dính đáy khung có kích thước: 03x03x25cm, dày 12cm và 01 thanh kim loại màu vàng kích thước 03mx03x25cm, dày 12cm thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Đ, hiện CQĐT đã trả lại ông Nguyễn Minh Trà giám đốc Công ty là phù hợp nên không đề nghị xem xét.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave màu đỏ, biển số: 59S1-984.04 thuộc sở hữu bà Huỳnh Thanh Th là mẹ vợ của Th, việc Th sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội bà Thủy không biết, hiện CQĐT đã trả lại xe cho bà Thủy là phù hợp nên không đề nghị xem xét.

- Tiền Việt Nam: Lê Minh T, tự nguyện nộp lại 38.000.000đ tiền bán phế liệu cho anh Phạm Ngọc K, anh K không biết tài sản do T phạm tội mà có, nên CQĐT đã trả lại số tiền trên cho anh K là phù hợp.

- Anh Huỳnh Tấn Đ nộp lại 1.200.000đ tiền chở thuê, anh Đạt không biết tài sản do phạm tội mà có, hiện CQĐT đã trả tiền lại cho anh Đạt là phù hợp nên không đề nghị xem xét;

Nguyễn Văn Th bán tài sản phạm tội mà có cho Lê Minh T, Th nhận của T số tiền 10.000.000đ là số tiền thu bất chính từ việc bán tài sản do phạm tội mà có, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền trên. Bị cáo Nguyễn Văn Th tự nguyện giao nộp lại số tiền 4.000.000đ nên buộc bị cáo Th phải nộp tiếp số tiền còn lại là 6.000.000 đồng sung ngân sách nhà nước.

- 01 điện Th di động hiệu OPPO màu đỏ của T ; 01 điện Th Iphone màu đen của Th là phương tiện liên lạc nhằm mục đích phạm tội, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade màu đỏ-đen, biển số: 62N1-105.32 do Lê Minh T đứng tên đăng ký bị cáo không sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 giao trả xe trên lại cho bị cáo T sở hữu.

(Tất cả vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án huyện Bến Lức đang tạm giữ, quản lý)

Đối với anh Phạm Ngọc K không biết tài sản do Lê Minh T bán phế liệu là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức không xử lý hình sự là phù hợp.

Đối với anh Huỳnh Tấn Đ có chở thuê các tài sản do Lê Minh T và Nguyễn Văn Th trộm được từ Công ty về nhà kho của T, nhưng anh Đạt không biết các tài sản trên do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức không xử lý hình sự là phù hợp.

Đối với người đàn ông chỉ nơi cho Nguyễn Văn Th trộm cắp tài sản để lấy tiền công, qua điều tra Th cung cấp thông tin đối với người đàn ông trên không đủ cơ sở xác minh, CQĐT sẽ tiếp tục làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, các bị cáo xác định cáo trạng truy tố các bị cáo là không oan sai, các bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử khoan hồng cho các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng và người T hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292, Điều Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án T hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản kết luận định giá tài sản và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở khẳng định xuất phát từ việc không tiền tiêu xài nên khoảng 10 giờ 00 ngày 30/4/2022, T và Th lén lút đến kho xưởng Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Đ, địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Bửu, huyện Bến Lức do ông Nguyễn Minh T làm giám đốc lấy trộm: 01 máy nén khí màu xanh, trắng hiệu Airman kích thước 01m95x93x95cm trị giá 7.850.750 đồng; 01 máy mô tơ kích thước 04cm x chu vi 70cm có cánh quạt kích thước chu vi 20m54, dày 20cm trị giá 1.937.500đ và 01 bộ công cụ nâng vật nặng, hàng hóa trị giá 7.385.750đ, tổng tài sản chiếm đoạt 16.042.500đ. T trả cho Th

10.000.000đ và trả tiền thuê xe anh Huỳnh Tấn Đ chở tài sản trộm được về kho phế liệu của T ở Ấp 1, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức cất là 1.200.000đ. Sau đó bị cáo T đem tài sản trên bán lại cho anh Phạm Ngọc K với giá 38.000.000đ. Do có sự bàn bạc thống nhất để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên, Viện Kiểm sát huyện Bến Lức là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi trái pháp luật của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân, các bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương. Trong vụ án này các bị cáo cùng thống nhất ý chí thực hiện hành vi phạm tội nhưng không thể hiện rõ việc phân công nhiệm vụ, vai trò cụ thể từng người, không có sự cấu kết chặt chẽ trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Xét tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, hậu quả của vụ án cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Văn Th không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lê Minh T và Nguyễn Văn Th đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả lại chủ sở hữu, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo Nguyễn Văn Th đang bị nhiễm bệnh HIV, con bị cáo Th bị bệnh chậm phát triển tâm thần, bị cáo Th đã tự nguyện giao nộp một phần số tiền thu lợi từ hành vi phạm tội, do đó cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo T tự nguyện khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015;

Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo tốt, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, các bị cáo có chỗ ở ổn định, nơi cư trú rõ ràng, xét không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, giao chính quyền địa phương cũng đủ cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội, do đó áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao cho các bị cáo được hưởng án treo.

[3] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị hại Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Đ do ông Nguyễn Minh T là giám đốc đại diện đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu dân sự nên không đề nghị xem xét.

[5] Về vật chứng:

- 01 máy nén khí màu xanh, trắng hiệu Airman kích thước 01m95x93x95cm; 01 máy mô tơ kích thước 04cm x chu vi 70cm có cánh quạt kích thước chu vi 20m54, dày 20cm; 01 bộ công cụ nâng vật nặng, hàng hóa, gồm: 02 khung kim loại màu vàng được hàn lại hình chữ A (cùng kích thước: 04mx75x04m74x20cm), dày 10cm, thanh kim loại hàn dính đáy khung có kích thước: 03x03x25cm, dày 12cm và 01 thanh kim loại màu vàng kích thước 03mx03x25cm, dày 12cm thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thiết Bị Công Nghiệp Đ, hiện CQĐT đã trả lại ông Nguyễn Minh T là giám đốc Công ty là phù hợp nên không xem xét.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại Wave màu đỏ, biển số: 59S1-984.04 thuộc sở hữu bà Huỳnh Thanh Th là mẹ vợ của Th, việc Th sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội bà Thủy không biết, hiện CQĐT đã trả lại xe cho bà Thủy là phù hợp nên không xem xét.

- Tiền Việt Nam: Lê Minh T, tự nguyện nộp lại 38.000.000đ tiền bán phế liệu cho anh Phạm Ngọc K, anh K không biết tài sản do T phạm tội mà có, nên CQĐT đã trả lại số tiền trên cho anh K là phù hợp nên không xem xét.

- Anh Huỳnh Tấn Đ nộp lại 1.200.000đ tiền chở thuê, anh Đạt không biết tài sản do phạm tội mà có, hiện CQĐT đã trả tiền lại cho anh Đạt là phù hợp nên không xem xét.

Nguyễn Văn Th bán tài sản phạm tội mà có cho Lê Minh T, bị cáo Th nhận của T số tiền 10.000.000đ là số tiền thu bất chính từ việc bán tài sản do phạm tội mà có nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền trên. Bị cáo Nguyễn Văn Th đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 4.000.000đ nên buộc bị cáo Th phải nộp tiếp số tiền còn lại là 6.000.000 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 điện Th di động hiệu OPPO màu đỏ của bị cáo T ; 01 điện Th Iphone màu đen của bị cáo Th là phương tiện liên lạc nhằm mục đích phạm tội, nên áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade màu đỏ-đen, biển số: 62N1-105.32 do Lê Minh T đứng tên đăng ký bị cáo không sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 giao trả xe trên lại cho bị cáo T sở hữu.

(Tất cả vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án huyện Bến Lức đang tạm giữ, quản lý).

[6] Đối với anh Phạm Ngọc K không biết tài sản do Lê Minh T bán phế liệu là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức không xử lý hình sự là phù hợp.

[7] Đối với anh Huỳnh Tấn Đ có chở thuê các tài sản do Lê Minh T và Nguyễn Văn Th trộm được từ Công ty về nhà kho của T, nhưng anh Đạt không biết các tài sản trên do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức không xử lý hình sự là phù hợp.

[8] Đối với người đàn ông chỉ nơi cho Nguyễn Văn Th trộm cắp tài sản để lấy tiền công, qua điều tra Th cung cấp thông tin đối với người đàn ông trên không đủ cơ sở xác minh, CQĐT sẽ tiếp tục làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[9] Về án phí: Các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Minh phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Minh Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. xử phạt:

- Bị cáo Lê Minh T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 03(ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/01/2023).

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn Th 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 03(ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 05/01/2023).

Giao bị cáo Lê Minh T về cho Ủy ban nhân dân xã An Thạnh, Nguyễn Văn Th về cho Ủy Ban nhân dân thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã A, Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Minh Th cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Minh Th thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 và Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 4.000.000 đồng do bị cáo Nguyễn Văn Th giao nộp (hiện Kho bạc huyện B đang tạm giữ theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 05/12/2022 của Công an huyện B); 01 điện Th di động hiệu OPPO màu đỏ của bị cáo Lê Minh T; 01 điện Th Iphone màu đen của bị cáo Nguyễn Minh Th;

- Giao trả cho bị cáo Lê Minh T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Airblade màu đỏ-đen, biển số: 62N1-105.32.

(Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức đang tạm giữ).

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Lê Minh T, Nguyễn Văn Th mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bc;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện B;
- Nhà tạm giữ Công an huyện B;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hùng Cường

